

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỊNH QUÁN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **61/2017/HNGĐ-ST**

Ngày 27-12-2017

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Kha

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lý Văn Dưỡng

Bà Nguyễn Thị Quy

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thắm- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Hội- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2017 tại trụ sở TAND huyện Định Quán, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 316/2017/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2017/QĐST-HNGĐ ngày 06/12/2017 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị **Trịnh Thị Ngọc Y** - sinh năm 1991, “có mặt”

HKTT: Ấp 7, xã Phú Ngọc, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

-Bị đơn: Anh **Phạm Văn T**- sinh năm 1985, “vắng mặt”

HKTT: Xóm Đường Cát, xã Hà Ninh, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Tạm trú: Ấp 7, xã Phú Ngọc, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 17/7/2017 và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Trịnh Thị Ngọc Y trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn T sau một thời gian tìm hiểu yêu thương nhau đã quyết định tiến tới hôn nhân vào tháng 8/2013, anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Ngọc và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn

ngày 03/8/2013. Sau khi cưới được khoảng gần 4 tháng anh T bị bắt đưa đi cai nghiện tại huyện Xuân Lộc vì đã có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Trong thời gian 2 năm anh T đi cai nghiện tập trung chi và gia đình vẫn thường xuyên đi thăm động viên anh T cố gắng tập trung cai nghiện để được sớm trở về tái hòa nhập cộng đồng mặc dù trong thời gian này chị đã sinh con và đang nuôi con nhỏ. Nhưng sau khi anh T trở về thì cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nữa mà thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát lẫn nhau. Nhưng chị vẫn chịu đựng nhẫn nhịn để cho con có đủ cha đủ mẹ. Nhưng đến khoảng đầu tháng 7/2017 chị phát hiện anh T vẫn không từ bỏ việc sử dụng ma túy vì khi chị đi làm anh T ở nhà vẫn lén lút đập đá. Anh T bỏ đi Biên Hòa mấy ngày thì ở nhà chị đã tìm được dụng cụ sử dụng ma túy đá của anh T đang cất giấu ở nhà. Vì vậy chị đã trở về nhà cha mẹ để ở cùng áp để ở nuôi con và sống ly thân với anh T từ tháng 7/2017 đến nay đồng thời chị làm đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Định Quán. Từ tháng 7/2017 đến nay anh T làm gì thì chị không được rõ nhưng vẫn thỉnh thoảng về thăm con. Nay chị nhận thấy chị không còn tình cảm vợ chồng với anh T nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T để chị ổn định cuộc sống nuôi con.

Về con chung: Chị và anh Phạm Văn T có 01 con chung tên là Phạm Trịnh Minh K- sinh ngày 15/3/2014 hiện nay đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn và không yêu cầu anh Thông cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh T không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh T không có nợ chung và cũng không có nợ ai nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Bị đơn anh Phạm Văn T: Sau khi thụ lý vụ án ly hôn Tòa án nhân dân huyện Định Quán đã tiến hành các thủ tục tổng đạt, niêm yết Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo quy định cho anh T biết để anh Thông thực hiện quyền và nghĩa vụ nhưng anh T vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của vụ án mà không có lý do và không có ý kiến trình bày.

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các hoạt động tố tụng về xác định quan hệ pháp luật, tư cách tham gia tố tụng của đương sự, thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu theo thẩm

quyền, thủ tục gửi, cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng tất cả đều đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các phần của phiên tòa sơ thẩm, phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, phần tranh tụng tại phiên tòa. Thư ký phiên tòa thực hiện đúng và đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Quan hệ hôn nhân của chị Y và anh T là hợp pháp. Vợ chồng đã có nhiều mâu thuẫn và hiện nay đã sống ly thân. Căn cứ Điều 19, 56 Luật Hôn nhân gia đình thì mục đích hôn nhân của vợ chồng chị Y và anh T đã không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Y cho chị Y được ly hôn với anh T. Về con chung căn cứ Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Y, cho chị Y được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phạm Trịnh Minh K-sinh ngày 15/3/2014 sau khi ly hôn. Chị Y không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời miễn cho anh T nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, anh T chị Y có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Tài sản chung, nợ chung không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị Y phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Những kiến nghị là không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Phạm Văn T đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Thông.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị Ngọc Y và anh Phạm Văn T có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Ngọc và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 03/8/2013. Như vậy hôn nhân của anh T và chị Y được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Qua các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án thể hiện vợ chồng chị Y và anh T đã có nhiều mâu thuẫn không hàn gắn được, gia đình mất đi hạnh phúc nguyên nhân là do anh T sử dụng ma túy. Anh T đã bị Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa ra Quyết định số 7401/QĐ-UBND ngày 30/12/2013 áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh tại Trung tâm Giáo dục Lao động- Xã hội tỉnh Đồng Nai thời hạn chấp hành là 24 tháng về hành vi vi phạm “Sử dụng trái phép chất ma túy”. Căn cứ Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình, xét thấy anh T chị Y không còn sống chung với nhau từ tháng 7/2017 đến nay, đời sống chung vợ chồng đã chấm dứt, vợ chồng không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị Y là có cơ sở. Hơn nữa trong suốt quá trình tố tụng của vụ án anh T vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải đoàn tụ cho các đương sự được. Chị Y vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn. Do đó chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Y. Cho chị Y được ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Chị Trịnh Thị Ngọc Y và anh Phạm Văn T có 01 con chung là Phạm Trịnh Minh K- sinh ngày 15/3/2014 hiện nay đang do chị Y trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Y yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: Việc giao con chung cho một bên trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn là căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của người con. Xét thấy con chung chưa thành niên của anh T chị Y đang được chị Y chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục tốt. Chị Y có nghề nghiệp ổn định, có thu nhập hàng tháng và không vi phạm pháp luật. Xét yêu cầu về nuôi con của chị Y là hợp lý, phù hợp với điều kiện thực tế của các bên. Vì vậy chấp nhận yêu cầu của chị Y về nuôi con, giao con chung cho chị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn. Chị Y không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời miễn cho anh T nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, anh T chị Y có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Y phải chịu 300.000 đồng án phí DSST về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 28; Điều 68; điểm b, khoản 2, Điều 227; Điều 220, 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1)- Về hôn nhân: Cho chị Trịnh Thị Ngọc Y được ly hôn với anh Phạm Văn T.

2)- Về con chung: Giao con chung là Phạm Trịnh Minh K- sinh ngày 15/3/2014 cho chị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn. Chị Y không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời miễn cho anh T nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, anh T chị Y có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3)- Về tài sản chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4)- Về nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

5)- Về án phí: Chị Trịnh Thị Ngọc Y phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST về ly hôn. Số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị Y đã nộp ngày 25/7/2017 theo biên lai số 004346 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí. Chị Y đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Định Quán;
- Chi cục THADS H. Định Quán;
- UBND xã Phú Ngọc, H. Định Quán;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TRỊNH THỊ KHA